

Bản án số: 10/2022/KDTM-ST
Ngày 21 tháng 7 năm 2022
“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Hồ Bình

- Bà Đào Tuyết Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hèn Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 39/2020/TLST-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” - theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-KDTM ngày 23/6/2022, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (viết tắt là V);** địa chỉ: Số 89 L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tầng 7, Tòa nhà V, số 78 D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H và bà Phạm Thu H - chức vụ: Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng V.

(Theo giấy ủy quyền số 2821/2020/UQ-VPBank ngày 14/10/2020).

(Có mặt).

*** Bị đơn: Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N (viết tắt là Công ty N);** địa chỉ trụ sở: Số 39 - 41 phố L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang H - Chức vụ: Tổng giám đốc. (Vắng mặt).

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Bùi Quang H, sinh năm 1974

Hộ khẩu thường trú: Số 8, ngõ N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Việt A, sinh năm 1977

Hộ khẩu thường trú: Số 8, ngõ N, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Hiện ở tại: Phòng W2510 Tòa T, Chung cư G, 151 T, phường T, quận T, Hà Nội.

(Vắng mặt).

3. Ông Nông Văn L; sinh năm 1985

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Hộ khẩu thường trú: Tổ 25b, cụm 3 T, quận T, Hà Nội. Hiện ở: Số 2 ngách 89/87 T, phường T, quận T, Hà Nội. (Hiện ông L đang chấp hành án tại trại tạm giam Ngọc Lý, Cục 10 - Bộ Công an về tội “Buôn lậu”).

(Vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984

5. Cháu Nông Nguyễn Minh H, sinh năm 2009

6. Cháu Nông Minh Q, sinh năm 2013

Hộ khẩu thường trú: Tổ 25b, cụm 3 T, quận T, Hà Nội. Hiện ở: Số 2 ngách 89/87 T, phường T, quận T, Hà Nội.

(Cháu H, cháu Q là con chị H và ông L, do chị H là người giám hộ đại diện theo pháp luật).

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2019 và những bản tự khai, đơn trình bày tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2017-01/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 15/11/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2018/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 20/11/2018 cùng các Khế ước nhận nợ, thư bảo lãnh thanh toán kèm theo, Công ty N ký Hợp đồng vay vốn của Ngân hàng V với tổng số tiền là 11.361.920.661 đồng (Mười một tỷ, ba trăm sáu mươi một triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi một đồng). Cụ thể như sau:

I. Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2017-01/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 15/11/2017 và một Khế ước nhận nợ, gồm:

- Thư bảo lãnh thanh toán số MD1831200504 ngày 08/11/2018, số tiền nhận nợ là 130.931.159 đồng, trong thời hạn 04 tháng, với lãi suất 13.95%/năm cố định trong suốt thời gian vay.

II. Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2018/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 20/11/2018 và bảy Khế ước nhận nợ, gồm:

1. Khế ước nhận nợ số LD1901000404 ngày 10/01/2019: Số tiền nhận nợ 1.230.050.002 đồng, trong thời hạn 04 tháng, với lãi suất 8.2%/năm, điều chỉnh định kỳ một tháng/lần theo biên độ 1.5%/năm;

2. Khế ước nhận nợ số LD1903000665 ngày 30/01/2019: Số tiền nhận nợ 2.624.380.000 đồng, trong thời hạn 04 tháng, với lãi suất 8.2%/năm, điều chỉnh định kỳ một tháng/lần theo biên độ 1.5%/năm;

3. Khế ước nhận nợ số LD1904300188 ngày 12/02/2019: Số tiền nhận nợ 856.548.000 đồng, trong thời hạn 04 tháng, với lãi suất 8.2%/năm, điều chỉnh định kỳ một tháng/lần theo biên độ 1.5%/năm;

4. Khế ước nhận nợ số LD1906500245 ngày 06/03/2019: Số tiền nhận nợ 3.499.892.000 đồng, trong thời hạn 04 tháng, với lãi suất 8.2%/năm, điều chỉnh định kỳ một tháng/lần theo biên độ 2%/năm;

5. Khế ước nhận nợ số LD1907300298 ngày 14/03/2019: Số tiền nhận nợ 1.260.240.500 đồng, trong thời hạn 04 tháng, với lãi suất 8.2%/năm, điều chỉnh định kỳ một tháng/lần theo biên độ 2%/năm;

6. Khế ước nhận nợ số LD1909400403 ngày 04/04/2019: Số tiền nhận nợ 808.995.000 đồng, trong thời hạn 04 tháng, với lãi suất 8.2%/năm, điều chỉnh định kỳ một tháng/lần theo biên độ 1.5%/năm;

7. Khế ước nhận nợ số LD1912600733 ngày 06/5/2019: Số tiền nhận 950.884.000 đồng, trong thời hạn 04 tháng với lãi suất 8.2%/năm, điều chỉnh định kỳ một tháng/lần theo biên độ 1.5%/năm;

Tổng cộng: 11.361.920.661 đồng (Mười một tỷ, ba trăm sáu mươi một triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi một đồng).

Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Biện pháp bảo đảm cho khoản vay:

Ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Việt A thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11^B, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Tổ 16 cụm 3, phường Tây Hồ, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 632484 do UBND quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2005 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Việt A, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 2511/2018; quyển số: 03-2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/08/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 15/8/2018.

Bảo lãnh của ông Bùi Quang H: Theo Hợp đồng bảo lãnh số 08/HĐBL ngày 20/11/2018, ông Bùi Quang H đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Tính đến ngày 16/5/2022, bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền là 199.087.243 đồng, trong đó: Nợ gốc là 46.834.920 đồng, nợ lãi 152.252.323 đồng.

Kể từ ngày 25/5/2019, bị đơn không thanh toán thêm được khoản tiền nào cho Ngân hàng. Từ ngày 25/5/2019 Ngân hàng đã chuyển khoản nợ của Công ty N sang nợ quá hạn. Do Công ty N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản vay nêu trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn với mức lãi suất nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

1. Đề nghị Tòa án buộc bị đơn Công ty N phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả và các khoản lãi phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng nêu trên; tạm tính đến hết ngày 16/5/2022 là: 16.017.023.139 đồng (Mười sáu tỷ, không trăm mười bảy triệu, không trăm hai mươi ba nghìn, một trăm ba mươi chín đồng), trong đó, nợ gốc là 11.315.085.791 đồng; lãi trong hạn là 52.634.720 đồng; lãi quá hạn là 3.992.255.680 đồng; phạt chậm trả lãi là: 657.046.998 đồng.

2. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi đối với bị đơn Công ty N theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty N thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V.

3. Trong trường hợp Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, đề nghị Tòa án tuyên Ngân hàng V có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng V là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11B, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Tổ 16 cụm 3, phường Tây Hồ, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 632484 do Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2005 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Việt A - theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 2511/2018; quyển số: 03-2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/8/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 15/8/2018.

4. Buộc ông Bùi Quang H có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty N toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên.

5. Trường hợp ông H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng V, Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Bùi Quang H để thu hồi khoản nợ vay.

*** Bị đơn - Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N do ông Bùi Quang H - chức vụ tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật:** Không đến Tòa án, không trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các Văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Việt A:** Đã được Toà án triệu tập, tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các Văn bản tố tụng khác của Toà án nhưng không đến Tòa án làm việc và không có lời khai tại Toà án. Đến ngày 22/01/2021 Tòa án nhận được Bản trình bày ý kiến của bà Việt A đề ngày 20/01/2021, nội dung như sau: Ngày 07/01/2021 bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 39/2020/TB-TLVA ngày 19/10/2020 của Tòa án quận Hoàn Kiếm, về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng, giữa nguyên đơn Ngân hàng V và bị đơn là Công ty TNHH TM và dịch vụ kỹ thuật N, theo nội dung Thông báo bà và chồng bà là người liên quan trong vụ án, bà có ý kiến như sau: Các khoản vay và Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp giữa Công ty N, vợ chồng bà với Ngân hàng V đã ký kết từ lâu. Vì vậy, đến nay bà không còn nhớ rõ về nội dung các giao dịch này. Các tài liệu giấy tờ liên quan đến giao dịch tín dụng, thế chấp tại Ngân hàng V đều do chồng bà là Bùi Quang H thực hiện và lưu giữ, bà không được giữ bất cứ tài liệu nào liên quan đến khoản vay tại Ngân hàng V, do đó bà không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án. Hiện nay chồng bà đang không có mặt tại gia đình. Vì vậy, các nội dung liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V cần phải chờ chồng bà là Bùi Quang H trở về mới giải quyết được.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Chồng bà là ông Nông Văn L, ông L làm lái xe cho Công ty N. Trước đây, vợ chồng bà ở tại C, quận T, Thành phố Hà Nội. Từ giữa năm 2011 vợ chồng bà chuyển

đến ở tại số 2 ngách 89/87 T, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội. Thời gian đó ông L chồng bà có nói với bà nhà số 2 ngách 89/87 phường T là nhà của ông Bùi Quang H mua cho để vợ chồng bà ở. Cách đây khoảng hai năm, ông L chồng bà đã trả tiền cho ông H nhưng chưa trả hết được toàn bộ tiền nhà.

Đến cuối năm 2011 vợ chồng bà sửa lại nhà để ở như làm lại tường, làm lại nền nhà, đường ống nước, thay cửa các phòng từ cửa gỗ sang cửa kính, lợp thêm mái ở tầng tum, quay lồng sắt xung quanh để làm sân phơi.

Đến ngày 09/5/2019 Công ty N bị Cơ quan Công an điều tra và ông L (chồng bà) cũng bị bắt tạm giam từ đó cho đến nay. Vụ án hình sự đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử, chồng bà bị tuyên phạt 07 năm tù về tội “Buôn lậu”, hiện đang chờ xét xử phúc thẩm. Chồng bà đang bị giam ở trại tạm giam T16 - Bộ Công an ở Thanh Oai, Thành phố Hà Nội. Bà chỉ biết ông L chồng bà và ông H có thỏa thuận riêng liên quan đến nhà đất tại số 2 ngách 89/87 Tứ Liên, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội mà không có giấy tờ mua bán nên căn nhà trên vẫn đứng tên vợ chồng ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Việt A. Nay Ngân hàng V khởi kiện Công ty N, yêu cầu thanh toán số tiền cả gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/8/2019 là 11.799.718.360 đồng và đề nghị kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11B, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Tổ 16 cụm 3, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, nay là số 2 ngách 89/87 Tứ Liên, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 632484 do Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2005) thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Việt A. Trong trường hợp Công ty N không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, để đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Nông Văn L trình bày:**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các Văn bản tố tụng khác của Tòa án cho ông Nông Văn L tại Đội 32 phân trại số I Trại giam Ngọc Lý - Bộ Công an. Theo Biên bản tự khai ngày 10/03/2022 tại Đội 32 phân trại số I Trại giam Ngọc Lý - Bộ Công an, ông L trình bày:

Ông là nhân viên lái xe của Công ty N, ông vào làm tại Công ty N từ năm 2007. Trước khi vào làm tại Công ty N ông và vợ là bà Nguyễn Thị H cùng các con sinh sống tại C. Sau đó, gia đình ông chuyển đến ở tại số 2 ngách 89/87 phường T, quận T, Thành phố Hà Nội. Nguồn gốc nhà đất tại số 2 ngách 89/87 phường T, quận T, Thành phố Hà Nội là của ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Việt A cho gia đình ông mượn để ở nhờ. Ông H có thỏa thuận về việc sẽ bán cho vợ chồng ông với giá hữu nghị, ông đã đặt cọc 100.000.000 đồng, đồng thời bỏ tiền ra sửa chữa toàn bộ căn nhà như: sửa cửa, nội thất, bếp, trát lại tường và sửa toàn bộ đường ống nước. Toàn bộ tiền chi phí sửa chữa nhà hết khoảng 250.000.000 đồng.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Quang H:** Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các Văn bản tố tụng khác của Tòa án cho ông Bùi Quang H, nhưng ông H không đến Tòa án làm việc, không trình bày ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

*** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên và đề nghị Tòa án giải quyết những nội dung sau:

Buộc Công ty N phải thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên; tạm tính đến hết ngày 21/7/2022 là: 16.137.519.215 đồng (mười sáu tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm mười chín nghìn, hai trăm mười lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 11.315.085.741 đồng; lãi trong hạn 52.634.720 đồng, lãi quá hạn là: 4.082.462.591 đồng; lãi chậm trả là: 687.336.162 đồng.

Công ty N còn phải tiếp tục chịu khoản lãi và chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến khi Công ty N thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng V.

Trong trường hợp Công ty N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, đề nghị Tòa án tuyên: Ngân hàng V có quyền tự bán tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng V là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11^B, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Tổ 16 cụm 3, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 632484 do Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2005 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Việt A, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 2511/2018; quyền số: 03-2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/08/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 15/8/2018.

Buộc ông Bùi Quang H có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty N toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên.

Trường hợp ông H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng V, Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của ông Bùi Quang H để thu hồi khoản nợ cho Ngân hàng V.

*** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - ông Bùi Quang H, bà Nguyễn Việt A, ông Nông Văn L và bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:** Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Về việc tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định, đảm bảo đúng thời hạn xét xử. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tụng, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, nguyên đơn chấp hành đúng

quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành niêm yết các Văn bản, Thông báo, Quyết định của Tòa án hợp lệ. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1, tại phiên tòa lần 2, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Công ty N do ông Bùi Quang H - Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Quang H, bà Nguyễn Việt A, ông Nông Văn L và bà Nguyễn Thị H vắng mặt không có lý do là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V đối với bị đơn Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng. Buộc bị đơn Công ty N phải thanh toán trả nguyên đơn Ngân hàng V số tiền nợ gốc, lãi quá hạn và lãi chậm trả theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2017-01/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 15/11/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2018/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 20/11/2018, tạm tính đến ngày 21/7/2022. Trường hợp bị đơn Công ty N không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ cho nguyên đơn Ngân hàng V thì Ngân hàng V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11B, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Tổ 16 cụm 3, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 632484 do UBND quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2005 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Việt A theo nội dung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 2511/2018; quyền số: 03-2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/8/2018; đồng thời xử lý các tài sản khác của ông Bùi Quang H để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Theo Hợp đồng bảo lãnh số 08/HĐBL ngày 20/11/2018.

Các đương sự phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thời hiệu khởi kiện và thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng V khởi kiện Công ty N yêu cầu Tòa án tuyên Công ty N phải trả số tiền nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng đã ký kết. Số tiền tranh chấp phát sinh từ các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng đã ký giữa các bên. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1.2. Về thẩm quyền: Ngân hàng V khởi kiện bị đơn - Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N có trụ sở tại 39 - 41 L, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm theo đúng quy định tại Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: Nguyên đơn Ngân hàng V và bị đơn Công ty N ký kết các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng vào ngày 15/11/2017 và ngày 20/11/2018 và đều thỏa thuận thời hạn cho vay là 04 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Ngày 25/7/2019 và 25/5/2019 là ngày các khoản nợ của Công ty N chuyển nợ quá hạn. Ngày 05/9/2019 Ngân hàng V có đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân

dân quận Hoàn Kiếm là nằm trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 319 của Luật Thương Mại 2005.

1.4. Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Ngày 20/01/2021 bà Nguyễn Việt A có đơn gửi Tòa án, trong đó bà xác nhận đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án kinh doanh thương mại số 39/2020/TB-TLVA ngày 19/10/2020 của Tòa án quận Hoàn Kiếm, về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng, giữa nguyên đơn Ngân hàng V và bị đơn là Công ty TNHH TM và dịch vụ kỹ thuật N, bà được biết bà và chồng bà ông Bùi Quang H là người liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị đơn là Công ty N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Quang H, bà Nguyễn Việt A, bà Nguyễn Thị H đều đã được Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Ông Nông Văn L hiện đang chấp hành án tại Đội 32 phân trại số I trại Giam Ngọc Lý - Bộ Công an nên vắng mặt tại phiên tòa.

Đồng thời, Tòa án đã áp dụng Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự để nguyên đơn tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian tham gia phiên tòa nhưng bị đơn là Công ty N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Quang H, bà Nguyễn Việt A, bà Nguyễn Thị H vẫn vắng mặt không có lý do.

Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ và đúng quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V buộc bị đơn Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N phải thực hiện nghĩa vụ theo các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ:

Xét thấy, theo các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2017-01/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 15/11/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2018/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 20/11/2018 cùng các Khế ước nhận nợ, Thư bảo lãnh thanh toán kèm theo. Công ty Nhật C ký Hợp đồng vay vốn của Ngân hàng V với tổng số tiền là 11.361.920.661 đồng (Mười một tỷ, ba trăm sáu mươi một triệu, chín trăm hai mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi một đồng). Toàn bộ số tiền cho vay đã được Ngân hàng V giải ngân cho Công ty N theo các Khế ước nhận nợ kèm theo hồ sơ vụ án.

Xét, nội dung thỏa thuận của các bên trong các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ về hình thức và nội dung, phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện cho vay, lãi suất... quy định tại Luật các tổ chức tín dụng; Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước), các Văn bản hướng dẫn về lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Công ty N không có mặt, không có lời khai về các nội dung liên quan đến các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên. Bà Nguyễn Việt A có Bản trình bày ý kiến đề ngày 20/01/2021 gửi đến Tòa án, theo đó bà xác nhận vợ chồng bà và Ngân hàng V có ký kết các Hợp đồng tín dụng vay vốn, Tuy nhiên, thời gian đã ký kết từ lâu, đến nay bà không còn nhớ rõ về nội dung các giao dịch này. Các tài liệu giấy tờ liên quan đến giao dịch tín dụng, thế chấp tại Ngân hàng V đều do chồng bà là Bùi Quang H

thực hiện và lưu giữ, bà không được giữ bất cứ tài liệu nào liên quan đến khoản vay tại Ngân hàng V, do đó bà không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự. Xác định Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2017-01/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 15/11/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2018/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 20/11/2018 là có thật và phù hợp quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, Công ty N đã nhiều lần vi phạm thỏa thuận trong Hợp đồng. Khi khoản vay của khách hàng đến hạn trả nợ, Ngân hàng V đã làm việc rất nhiều lần, yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng đã ký với Ngân hàng V, nhưng Công ty N đã không thanh toán.

Nay nguyên đơn Ngân hàng V yêu cầu bị đơn Công ty N phải thanh toán trả cho nguyên đơn Ngân hàng V tổng số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 21/7/2022 là: 16.137.519.215 đồng (mười sáu tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm mười chín nghìn, hai trăm mười lăm đồng). Trong đó: Nợ gốc là 11.315.085.741 đồng; lãi trong hạn 52.634.720 đồng, lãi quá hạn là: 4.082.462.591 đồng; lãi chậm trả là: 687.336.162 đồng là có căn cứ và đúng nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Đối với khoản lãi chậm trả thực chất là khoản phạt chậm trả lãi: Do các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2017-01/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 15/11/2017, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2018/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 20/11/2018 và các Khế ước nhận nợ đều được các bên ký kết và thực hiện sau ngày 01/01/2017. Việc Ngân hàng V yêu cầu lãi chậm trả bằng 10%/năm tính trên số dư nợ lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tạm tính đến thời điểm xét xử ngày 21/7/2022 là 687.336.162 đồng, là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như các quy định về lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Công ty N tiếp tục phải trả khoản tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc trên theo lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết giữa hai bên, kể từ ngày kế tiếp của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 22/7/2022 cho đến khi Công ty N thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng V.

[3]. Xét yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ của nguyên đơn:

3.1. Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng V và Công ty N cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, Hợp đồng thế chấp tài sản, Hợp đồng bảo lãnh cụ thể như sau:

Ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Việt A thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11B, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Tổ 16 cụm 3, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội - theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 632484 do Ủy ban nhân dân quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, cấp ngày 30/12/2005 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Việt A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 2511/2018; quyền số: 03-2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày

01/8/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 15/8/2018.

Bảo lãnh của ông Bùi Quang H: Theo Hợp đồng bảo lãnh số 08/HĐBL ngày 20/11/2018, ông Bùi Quang H đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng.

Xét, hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng bảo lãnh được các bên tự nguyện ký kết, đúng chủ thể và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Do đó, Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng bảo lãnh trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng V đề nghị Tòa án tuyên được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên, cũng như yêu cầu ông Bùi Quang H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình để thu hồi khoản nợ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

3.2. Đối với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nông Văn L và bà Nguyễn Thị H về nhà đất tại tổ 16 cụm 3, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Nhận thấy, ngoài lời khai ông L và bà H không cung cấp được cho Tòa án những tài liệu chứng cứ về việc mua bán, sửa chữa căn nhà trên. Bên cạnh đó, ông L và bà H cũng không có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét. Giành quyền khởi kiện cho các đương sự trong một vụ án khác nếu có tranh chấp.

[4]. Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn - Công ty N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán trả cho nguyên đơn. Nguyên đơn Ngân hàng V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 184; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; khoản 1 Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 318; Điều 323; Điều 342; Điều 355 của Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 280, 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 122 của Luật nhà ở năm 2014;
- Điều 167 của Luật đại năm 2013;
- Điều 54 của Luật Công Chứng năm 2014;
- Nghị định số 163/2006 NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Nghị định số 01/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2006 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị Định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006;
- Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng với khách hàng (Ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước);
- Thông tư số 12/2010/TT - NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;
- Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2008.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) đối với bị đơn Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N về việc “tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

2. Buộc bị đơn Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N phải thanh toán trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) số tiền nợ gốc, lãi quá hạn và lãi chậm trả theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2017-01/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 15/11/2017 và Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 2018/HDTD/VPBANK-NHATCUONG ngày 20/11/2018, tạm tính đến ngày 21/7/2022 là: **16.137.519.215 đồng (mười sáu tỷ, một trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm mười chín nghìn, hai trăm mười lăm đồng)**, trong đó:

Nợ gốc là: 11.315.085.741 đồng (Mười một tỷ, ba trăm mười lăm triệu, không trăm tám mươi lăm nghìn, bảy trăm bốn mươi một đồng);

Lãi trong hạn: 52.634.720 đồng (Năm mươi hai triệu, sáu trăm ba mươi tư ngàn, bảy trăm hai mươi nghìn đồng)

Lãi quá hạn là: 4.082.462.591 đồng (Bốn tỷ, không trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm sáu mươi hai ngàn, năm trăm chín mươi một đồng);

Lãi chậm trả là: 687.336.162 đồng (Sáu trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm sáu mươi hai đồng).

3. Bị đơn Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 22/7/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ đã ký kết.

4. Trường hợp bị đơn Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) thì Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 11B, tờ bản đồ số 05, địa chỉ: Tổ 16 cụm 3, phường Tứ Liên, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 632484 do UBND quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/12/2005 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Việt A theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm

thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng: 2511/2018; quyền số: 03-2018 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/8/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác ngày 15/8/2018 để thu hồi nợ.

5. Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Bùi Quang H để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho toàn bộ khoản vay theo Hợp đồng bảo lãnh số 08/HĐBL ngày 20/11/2018.

6. Sau khi kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm trừ đi các khoản chi phí thu hồi, trông giữ, bán tài sản và các chi phí liên quan khác... Ngân hàng thu nợ còn thừa, Ngân hàng sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản. Nếu Ngân hàng thu nợ còn thiếu thì bị đơn Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V).

7. Về án phí: Bị đơn Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 124.138.000 đồng (một trăm hai mươi bốn triệu, một trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch đối với phần yêu cầu được Tòa án chấp nhận. Trả lại nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V) số tiền 59.900.000 đồng (Năm mươi chín triệu, chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp - theo Biên lai số 0017958 ngày 19/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm.

8. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (Ngân hàng V), vắng mặt bị đơn Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Quang H, bà Nguyễn Việt A, ông Nông Văn L và bà Nguyễn Thị H. Tòa án báo nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với bị đơn Công ty TNHH TM và DV kỹ thuật N do ông Bùi Quang H - Giám đốc là người đại diện theo pháp luật và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Quang H, bà Nguyễn Việt A, ông Nông Văn L và bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDQHK;
- Các đương sự;
- THADSQHK;
- TANDTPHN;
- Lu hồ sơ;
- Lu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hiền Hòa

